

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Light

PACCO S1PS LOW

PACCOS1PSL

giày th i m ạ h ô ng kim l ộ n g an toàn và khóa dán Velcro

PACCO S1P là giày an toàn nh i ẹ , c ó m ũ i K h ô ng kim l o ạ i r ộ n g, đế ngoài cao su và khóa dán Velcro ch ắ c ch ắ n g nhận ESD. Hoàn hảo cho ngành công n g hiệ p ô tô, l ắ p ráp và dịch vụ ă n uố n g.

Những vật liệu cao cấp hơn ổng hợp	Da t
lót bên trong i tái chế lưới	
trong Đ ệm chân SJ Memory Foam	
iữa đế g ệt chống thủ ng	
ngoài Đ	Philon/cao su
u Đứng đầ ổng hợp	t
i Loạ	S1 PS / SR, SC, FO, HI, HRO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48
ng lượng t thép	0.517 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

CE · ESD · NESKRID

CO₂ 6.31 kg



WHT



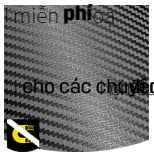
(SR) ướn t Chống t ướn dây SR/ESR/ESD/ SR có nghĩa là phép thử ước thực hiện g phòng và dã



& nhiên dầu ế ngoài có khả năng và nhiên liệu.



Mũi giày an toàn composite i và không dẫn nhiệt hoặc dẫn điện



phí miễn hoà **Kim** | Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên



X ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa sự cố hỏa hoạn do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



có thể **tháo** rờ Thay miếng lót giày thường xuyên hoặc lót giày chỉnh hình riêng

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c **ô tô,** phục vụ **ăn** uố n g, Thự c phẩm & Đ thuộ c v ề **y** h ọ c

ường: **Môi** t
rư ờn g **môi khô,** Bề mặt cự c mịn , b ề mặt ẩm **ướ**

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp **cách** hợp lý. **Không** sử dụng

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	**đơn vị đo** lư ờn g	Đ q
Nhữ n g vật liệu **Da** tợp **cao** cấp h ơn					
	Top: khả năng thấm hút nước	? 0.8	4.32	mg/cm/giờ	
	Top: hệ số khuếch tán hơi nước	? 15	37	mg/cm2	
ót bên trong	**tái** chế				
	Lớp **lót:** thấm hút nước	? 2	86.31	mg/cm/giờ	
	lót: hệ số khuếch tán hơi nước	? 20	691	mg/cm2	
rong Đ ệ m **chân SJ Memory Foam**					
	ệ m chân Đ chống mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	chu kỳ	
goài Đ **Phlon/cao su**					
	Chỉ số ma sát tĩnh đế ngoài (	? 150	128	mm	
	Chư ố ợt trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.43	ma sát	
	rư Cợt có mặt bằng - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.44	ma sát	
	rư Cợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.36	ma sát	
	Chư ố ợt trơ SR gót - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi về phía t	? 0.22	0.33	ma sát	
	rị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	37.2	megaohm	
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	33	megaohm	
	Hấp thụ năng lư ợn g gót chân củ	? 20	30	J	
Đ ỡ n g đầ tợp					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm	
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm	
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	18.5	mm	
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	23.5	mm	

kích thước thép: 42

a chú Giày bảo hộ có thể thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản từ chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	**đơn vị đo** lư ờn g	Đ q
CO# phát thả				
	V ật l iệu		4.04	kg
	Bao bì		0.12	kg
ất	Sản x u		1.90	kg
	Chuyên ch ở		0.26	kg
			6.31 kg CO2/ cặp	

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ ý **tái** ch ế				
	Product		9%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến và có thể thay đổi.